

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP XANH TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

● NGÔ THÁI HÀ

Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Thương mại

Email: ha.nt3@tmu.edu.vn

DOI: 10.62831/nckh.2026.146.v1

TÓM TẮT:

Bài báo tập trung phân tích thực trạng phát triển nông nghiệp xanh trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc trong những năm gần đây, làm rõ những kết quả đạt được cũng như những khó khăn, thách thức đặt ra như hạn chế về cơ sở hạ tầng, trình độ kỹ thuật, vốn đầu tư và nhận thức của người dân. Trên cơ sở tiếp cận dưới góc độ kinh tế chính trị, nghiên cứu đánh giá vai trò của Nhà nước, thị trường và các chủ thể kinh tế trong quá trình chuyển đổi sang mô hình nông nghiệp xanh. Đồng thời, bài viết chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển, bao gồm thể chế chính sách, nguồn lực lao động và điều kiện tự nhiên. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh theo hướng hiệu quả, bền vững, phù hợp với đặc thù vùng miền núi phía Bắc.

Từ khóa: nông nghiệp xanh, phát triển bền vững, miền núi phía Bắc, kinh tế chính trị, chuyển đổi nông nghiệp, bảo vệ môi trường.

1. Đặt Vấn đề

Nông nghiệp là một ngành kinh tế trọng điểm, giữ vị trí quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước. Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất hàng đầu, là nguồn cung cấp chủ yếu cho sự phát triển của con người và xã hội. Bên cạnh đó, các sản phẩm nông nghiệp còn là nguồn nguyên liệu cho các ngành công nghiệp khác. Các tỉnh miền núi phía Bắc có nhiều tiềm năng trong phát triển nông nghiệp. Các vùng đồi núi tạo điều kiện cho việc trồng các cây lương thực và các cây nông sản khác. Vì vậy, phát triển nông nghiệp xanh đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh miền núi phía Bắc.

2. Tổng quan về nông nghiệp xanh

Ở Việt Nam, thuật ngữ Nông nghiệp xanh (Green Agriculture) là một khái niệm còn khá mới mẻ. Theo Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam: “Tăng trưởng xanh trong nông nghiệp là tăng trưởng ngành nông nghiệp về kinh tế, xã hội và môi trường, hướng tới phục hồi và bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu”. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2022).

Theo Bùi Đức Hùng (2016), “Nông nghiệp xanh được hiểu là mô hình canh tác nông nghiệp mới, giảm các tác động tiêu cực do phương thức sản xuất nông nghiệp truyền thống gây ra, nhờ triển khai toàn diện, hợp lý các quy trình sản xuất và “công nghệ xanh”.

nông nghiệp xanh vừa sử dụng hợp lý tài nguyên (đất đai, nước), tiết kiệm chi phí đầu vào sản xuất, vừa giảm ô nhiễm môi trường. Từ đó hài hòa mục tiêu kinh tế với mục tiêu bảo vệ môi trường, góp phần giải quyết một số vấn đề xã hội”. (Bùi Đức Hùng và cộng sự, 2016).

Theo quan điểm của tác giả Bùi Đức Hùng “Nông nghiệp xanh được hiểu là việc phát triển nền nông nghiệp phải được gắn liền với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ sự đa dạng sinh học bằng cách thực hiện các biện pháp “xanh hóa” trong nông nghiệp qua đó làm giảm sự ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí,... hướng tới mục tiêu phát triển bền vững”. (Bùi Đức Hùng và cộng sự, 2016).

Nông nghiệp xanh cũng có thể được hiểu là nền nông nghiệp sạch, áp dụng các phương pháp canh tác thông minh, sử dụng phân bón hữu cơ, áp dụng vào sản xuất các quy trình, công nghệ hiệu quả, chất lượng, hợp lý, tiết kiệm, sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Nền nông nghiệp xanh hướng đến sự cạnh tranh của nông sản, phát triển công nghệ xử lý chất thải, phụ phẩm trong ngành nông nghiệp giúp cuộc sống của người nông dân được ổn định hơn, có cuộc sống tốt hơn, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái trong nông nghiệp.

Từ các quan niệm trên, có thể rút ra khái niệm: Nông nghiệp xanh là một phương pháp canh tác nông nghiệp, áp dụng các phương pháp canh tác thông minh, sử dụng phân bón hữu cơ, áp dụng sản xuất các quy trình, công nghệ hiệu quả, chất lượng, hợp lý, trong đó chú trọng vào việc bảo tồn sự đa dạng sinh học, hạn chế ảnh hưởng xấu đối với môi trường và sức khỏe con người.

3. Nội dung và tiêu chí đánh giá nông nghiệp xanh

Một là, phát triển nông nghiệp xanh nhằm sản xuất nông nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường

Trong quá trình sản xuất nông nghiệp, các sản phẩm được tạo ra để phục vụ cho sản xuất và đời sống hằng ngày của con người. Bên cạnh các sản phẩm chính được tạo ra nhằm mục đích như vậy thì tồn tại

là các phụ phẩm của ngành nông nghiệp. Thực tế cho thấy, các phụ phẩm của ngành nông nghiệp không được xử lý, tận dụng một cách triệt để.

Các phần còn lại sau thu hoạch trong nông nghiệp phần lớn là các chất hữu cơ, có thể được tận dụng, dùng cho rất nhiều mục đích khác nhau có thể kể đến như: phụ phẩm tiểu ngành trồng trọt có thể dùng làm thức ăn cho chăn nuôi, nguyên liệu cho các ngành thủ công truyền thống, làm phân bón hữu cơ,... phụ phẩm tiểu ngành chăn nuôi có thể được tận dụng để làm chất đốt (khí Biogas), làm phân bón để cải thiện độ phì nhiêu cho đất, làm cho cây trồng sinh trưởng tốt hơn và hơn hết là làm giảm lượng khí thải vào môi trường. Nếu các sản phẩm phụ không tái sử dụng hoặc không được sử dụng cần được thu gom và xử lý đúng cách để tránh làm ô nhiễm môi trường.

Để đánh giá nội dung này, có một số tiêu chí như: Sản xuất nông nghiệp bền vững bằng cách đa dạng hóa đối tượng trong sản xuất nông nghiệp, tăng cường đa dạng sinh học, giảm thiểu rủi ro do dịch bệnh, biến đổi khí hậu; Dùng phân bón hữu cơ, sinh học; Hạn chế ô nhiễm môi trường, cải thiện chất lượng đất; Ứng dụng các phương pháp trồng trọt, chăn nuôi tiên tiến như tưới tiết kiệm, trồng xen canh, luân canh; Giảm thiểu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; Tăng cường kiểm soát sinh học, sử dụng các biện pháp phòng trừ dịch hại tự nhiên. Bảo vệ môi trường: Giảm thiểu ô nhiễm từ nước thải trong sản xuất nông nghiệp qua việc xử lý chất thải chăn nuôi, sử dụng hợp lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật: Bảo vệ đất, ngăn chặn xói mòn, cải tạo đất bạc màu; Bảo vệ đa dạng sinh học: Tạo lập các khu bảo tồn, hành lang sinh thái; Giảm thiểu phát thải khí nhà kính từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Hai là, phát triển nông nghiệp xanh nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho nông dân

Phát triển nông nghiệp xanh nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống cho nông dân. Về cơ bản, quá trình phát triển nông nghiệp xanh đã xóa bỏ được tình trạng nghèo đói trong xã hội, đời sống vật chất, tinh thần được cải thiện, trình độ dân trí tăng lên, người nông dân kế thừa và tiếp thu nhiều

kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp để vươn lên làm giàu.

Song, trong quá trình phát triển nông nghiệp xanh vẫn còn nhiều hạn chế, đời sống của bà con nông dân vẫn còn nhiều điểm chưa tương xứng với sự phát triển, đời sống của người dân ở các vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo vẫn còn nhiều khó khăn, hoạt động văn hóa còn hạn chế, sự chênh lệch về hưởng thụ các giá trị văn hóa còn nhiều thiếu sót, sự chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng còn lớn làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội khác,...

Để đánh giá nội dung này, có tiêu chí nâng cao chất lượng cuộc sống nông dân: Tăng thu nhập cho nông dân thông qua việc phát triển các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, có giá trị gia tăng; Cải thiện điều kiện sống, đầu tư vào cơ sở hạ tầng nông thôn, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; Đào tạo và nâng cao nhận thức, tăng cường kiến thức về nông nghiệp bền vững cho nông dân.

Ba là, nâng cao công tác quản lý và các chính sách phát triển nông nghiệp xanh

Các thể chế chính sách nhằm thể hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp xanh trên địa bàn cấp tỉnh. Để phát triển nông nghiệp xanh, ngoài việc cần có hạ tầng phát triển còn cần có quy hoạch phát triển nông nghiệp xanh của Nhà nước và địa phương để khai thác được tối đa lợi thế cũng như sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển hiệu quả nền nông nghiệp

Hoàn thiện các chính sách nhằm phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp xanh giảm thiểu các tác động tiêu cực đến sản phẩm nông nghiệp và môi trường. Đồng thời khuyến khích các tác động tích cực, thực hiện các chiến lược để bảo vệ môi trường để phục hồi các nguồn tài nguyên và hệ sinh thái đã bị suy thoái. Mô hình sản xuất nông nghiệp xanh áp dụng các kỹ thuật sản xuất gần gũi với thiên nhiên nhằm duy trì và nâng cao độ màu mỡ cho đất, giảm thiểu xói mòn đất, giảm thiểu việc sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật.

Các mô hình sản xuất nông nghiệp xanh đều

hướng đến giảm chi phí nguyên liệu, cải thiện hiệu suất kinh tế, đảm bảo sinh thái, môi trường và giải quyết các vấn đề của xã hội như xóa đói giảm nghèo, tạo nhiều việc làm. Việc áp dụng thành công các mô hình sản xuất xanh sẽ tạo ra nông sản có chất lượng, nâng cao lợi nhuận cho người sản xuất, đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng, giúp hạn chế những thiệt hại do phát thải khí nhà kính và sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu.

Để đánh giá nội dung này, có tiêu chí về công tác quản lý và các chính sách phát triển nông nghiệp xanh; Các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp xanh: Có các chính sách ưu đãi về tài chính, đất đai, công nghệ cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp bền vững; Khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu: Có các kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai; Tham gia các chuỗi giá trị: Liên kết sản xuất với tiêu thụ, đảm bảo đầu ra ổn định cho sản phẩm; Phát triển nông nghiệp thông minh: Áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý sản xuất, thu thập và phân tích dữ liệu.

4. Thực trạng phát triển nông nghiệp xanh trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc, trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Sơn La

4.1. Về quy mô và chuyển đổi cơ cấu sản xuất

Sơn La là tỉnh đi đầu khu vực về chuyển đổi sang nông nghiệp xanh. Diện tích cây ăn quả đạt khoảng 84.000 - 85.000 ha, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nông nghiệp. Năm 2020, diện tích cây ăn quả đạt gần 79.000 ha, chiếm khoảng 60% diện tích cây ăn quả toàn vùng Tây Bắc. Trong gần 10 năm, tỉnh đã chuyển đổi và trồng mới gần 62.000 ha cây ăn quả, chủ yếu trên đất dốc. (Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam năm (2025). Đây là minh chứng rõ ràng cho quá trình chuyển đổi từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp xanh, góp phần giảm xói mòn đất, tăng độ che phủ sinh thái và nâng cao hiệu quả sử dụng đất dốc.

4.2. Về phát triển sản xuất theo tiêu chuẩn xanh

Sơn La đã xây dựng nhiều vùng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP và hữu cơ. Tỉnh có

hàng trăm mã số vùng trồng; riêng diện tích phục vụ xuất khẩu khoảng 3.000 ha với 200 mã vùng trồng. (Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2025) Định hướng đến năm 2030: có 25% diện tích cây ăn quả đạt VietGAP/GlobalGAP và 15% diện tích áp dụng canh tác bền vững (hữu cơ, tưới tiết kiệm) (UBND tỉnh Sơn La, 2026). Ngoài ra, còn nhiều mô hình khác như: Sử dụng phân bón hữu cơ, vi sinh; tưới tiết kiệm nước và canh tác sinh thái (nông - lâm kết hợp)

4.3. Về kết quả sản lượng và giá trị kinh tế

Tổng sản lượng quả đạt khoảng 450.000 - 800.000 tấn/năm (tùy giai đoạn). Giá trị sản xuất cây ăn quả đạt 150 - 300 triệu đồng/ha/năm. Năm 2025, giá trị xuất khẩu nông sản của tỉnh đạt mục tiêu khoảng 35,2 triệu USD. (Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2025) Một số sản phẩm xuất khẩu chủ lực của tỉnh Sơn La: Xoài: 16.400 tấn/năm; Nhãn: 4.100 tấn/năm; Chuối: 8.000 tấn/năm. Điều này cho thấy, nông nghiệp xanh tại Sơn La đã gắn với sản xuất hàng hóa và thị trường xuất khẩu, không chỉ dừng ở mô hình thử nghiệm.

4.4. Về phát triển chuỗi giá trị và công nghệ

Sơn La có hơn 300 mã vùng trồng và hơn 100 cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu. (Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2025). Nhiều hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất - tiêu thụ và ứng dụng mạnh như truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số nông nghiệp và công nghệ tưới tiết kiệm.

Như vậy, trong những năm gần đây, tỉnh Sơn La đã đạt được nhiều kết quả nổi bật trong phát triển nông nghiệp xanh, thể hiện rõ qua quá trình chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng và mở rộng sản xuất theo hướng bền vững. Diện tích cây ăn quả đạt trên 84.000 - 85.000 ha, trở thành vùng sản xuất cây ăn quả lớn nhất miền núi phía Bắc, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất dốc và giảm xói mòn. Nhiều vùng sản xuất đã áp dụng các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, kết hợp truy xuất nguồn gốc và liên kết chuỗi giá trị, từng bước đáp ứng yêu cầu thị trường xuất khẩu. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng cao, đạt khoảng 150 -300 triệu đồng/ha/năm, đồng thời sản lượng quả hàng năm

đạt hàng trăm nghìn tấn, với nhiều sản phẩm như xoài, nhãn, chuối tham gia xuất khẩu. Những kết quả này cho thấy Sơn La đã cơ bản hình thành nền nông nghiệp xanh theo hướng hàng hóa, gắn với thị trường và phát triển bền vững.

Tuy nhiên, quá trình phát triển nông nghiệp xanh tại Sơn La vẫn còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ diện tích đạt chứng nhận VietGAP, hữu cơ còn chưa cao so với tổng diện tích sản xuất, chất lượng sản phẩm chưa đồng đều, dẫn đến tình trạng biến động giá nông sản, có thời điểm giảm mạnh do cung vượt cầu. Sản xuất vẫn mang tính phân tán, liên kết chuỗi giá trị chưa thực sự bền vững, trong khi hạ tầng chế biến và bảo quản sau thu hoạch còn hạn chế. Bên cạnh đó, việc ứng dụng khoa học - công nghệ chưa đồng đều giữa các vùng, cùng với tác động của biến đổi khí hậu (hạn hán, sạt lở) tiếp tục là những rào cản lớn đối với việc phát triển nông nghiệp xanh một cách ổn định và lâu dài.

5. Bài học kinh nghiệm cho các tỉnh miền núi phía Bắc

Chỉ trong một thời gian ngắn, Sơn La đã có nhiều chuyển biến trong nông nghiệp, từ một tỉnh có nền nông nghiệp truyền thống trở thành một trung tâm sản xuất hàng hóa nông nghiệp hàng đầu miền Bắc với sự phát triển trong chăn nuôi bò sữa và trồng rau, hoa với quy mô rộng lớn. Để đạt được những kết quả đó, chính quyền tỉnh Sơn La đã ban hành và thực hiện quyết liệt các chủ trương, chính sách tổ chức sản xuất nông nghiệp theo các hình thức sản xuất tập trung, sử dụng các loại giống cây trồng tốt, thực hiện các hình thức canh tác bền vững theo các tiêu chí xanh. Bên cạnh đó, Sơn La cũng chú trọng đến thị trường tiêu thụ nông sản. Tỉnh đã cung cấp một lượng nông sản lớn cho các tỉnh lân cận và các tỉnh thuộc khu vực miền Bắc. Song song với đó, tỉnh còn hỗ trợ kinh phí cho việc quảng bá hình ảnh, tổ chức giao lưu buôn bán với nhiều khu vực,...

Qua nghiên cứu thực trạng phát triển của tỉnh Sơn La, có thể rút ra được một số bài học kinh nghiệm để áp dụng vào tiến trình phát triển nền nông nghiệp xanh của các tỉnh miền núi phía Bắc:

Một là, tăng cường đầu tư nghiên cứu khoa học công nghệ.

Khoa học công nghệ hiện đại, đồng bộ trong các khâu đã mang lại sự phát triển mạnh các ngành sản xuất nông nghiệp. Các tỉnh miền núi phía Bắc cũng đã tăng cường đầu tư vào phát triển nghiên cứu Khoa học công nghệ, tuy nhiên cần có chọn lọc, tích cực nâng cao nhận thức cho nông dân nhằm khai thác tiềm năng con người và áp dụng Khoa học công nghệ có hiệu quả, đồng thời phải được thực hiện đồng bộ đối với các khâu trong quá trình sản xuất.

Hai là, chú trọng thị trường tiêu thụ.

Các tỉnh miền núi phía Bắc cần xây dựng tầm nhìn dài hạn cho đầu ra nông sản sạch, xây dựng nhãn mác, logo riêng cho địa phương giúp khách hàng nhận biết thương hiệu.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách phát triển nông nghiệp xanh

Nhà nước cần tiếp tục ban hành, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các chính sách để phát triển nông nghiệp xanh, cần hỗ trợ, trợ giúp về tài chính, kỹ thuật để người nông dân an tâm sản xuất nông nghiệp xanh.

Song song với đó, cần thực hiện, nhân rộng và tiến tới bắt buộc tham gia chính sách bảo hiểm rủi ro nông nghiệp cho nông dân là rất cần thiết.

Bốn là, đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng thực hành nông nghiệp xanh cho nông dân

Đẩy mạnh việc đào tạo nâng cao nhận thức của người nông dân trong quá trình phát triển giúp họ có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và trình độ để ứng dụng các thành tựu Khoa học công nghệ, các phương pháp canh tác tiên tiến, hiện đại nhằm nâng cao hiệu suất kinh tế. Bên cạnh đó, các cấp chính quyền cũng cần quan tâm chỉ đạo trong quá trình phát triển nền nông nghiệp xanh hướng tới nông nghiệp bền vững.

Hiện nay nhận thức của nông dân trong việc thực hành nông nghiệp xanh vẫn còn khá hạn chế. Vì thế cần tăng cường công tác tuyên truyền cho nông dân về lợi ích của việc thực hành nông nghiệp xanh thông qua các cuộc họp tại địa phương, các phương tiện truyền thông trực tuyến. Đặc biệt, cần đào tạo bài bản cho cán bộ làm nông nghiệp để họ có kiến thức, kỹ thuật về trang bị lại cho nông dân để thúc đẩy sự phát triển nền nông nghiệp xanh hướng đến bền vững ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Nguyễn Đỗ Tuấn Anh, Đặng Kim Khôi (2015), Tổng quan chiến lược và chính sách nông nghiệp xanh tại Việt Nam, Tạp chí môi trường số 2015.

Trịnh Viết Tiến (2023). Phát triển nông nghiệp xanh: Thực trạng và một số giải pháp. Truy cập tại <https://kinhtevadubao.vn/phat-trien-nong-nghiep-xanh-thuc-trang-va-mot-so-giai-phap-28049.html>

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2022), Quyết định số 3444/QĐ-BNN-KH phê duyệt kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, Hà Nội.

Lê Thị Hồng Dương (2018), Phát triển nền nông nghiệp xanh tại tỉnh Quảng Nam, Luận án tiến sĩ kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Nguyễn Trọng Hoài (2012), Mô hình tăng trưởng xanh. Khung phân tích và lựa chọn chính sách cho Việt Nam, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Trọng Hoài (2014), Phát triển nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh, Tiếp cận hành vi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật tại Đồng bằng sông Cửu Long, Tạp chí Phát triển Kinh tế.

Hans.Herren (2011), Báo cáo kinh tế xanh, UNEF.

Bùi Đức Hùng và cộng sự (2016), Chính sách phát triển nông nghiệp xanh tại các tỉnh Nam Trung Bộ, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Website Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (2025): <https://nongnghiepmoitruong.vn>

UBND tỉnh Sơn La (2026), Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 11/4/2026 về phê duyệt Đề án mở rộng và phát triển các vùng nguyên liệu cây ăn quả đạt chuẩn giai đoạn 2026-2035.

Ngày nhận bài: 12/3/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/3/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 14/4/2026

DEVELOPING GREEN AGRICULTURE IN VIETNAM'S NORTHERN MOUNTAINOUS PROVINCES

● **NGO THAI HA**

Faculty of Political Theory, Trade University

Email: ha.nt3@tmu.edu.vn

ABSTRACT:

This study analyzes the current state of green agricultural development in Vietnam's northern mountainous provinces in recent years, highlighting key achievements as well as difficulties and challenges related to infrastructure, technical capacity, investment capital, and public awareness. Using a political economy approach, the study examines the roles of the State, the market, and economic actors in the transition toward a green agricultural model. It also identifies major factors influencing this process, including institutional policies, labor resources, and natural conditions. On this basis, the study proposes several solutions to promote green agricultural development in an efficient and sustainable manner, aligned with the specific characteristics of the northern mountainous region.

Keywords: green agriculture, sustainable development, northern mountainous region, political economy, agricultural transformation, environmental protection.